

Bản án số: 18/2018/HS-ST
Ngày 27/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn D
2. Ông Lưu T
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST, ngày 11 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **VƯƠNG ĐÌNH D** - Sinh năm 1994 tại tỉnh N; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh K; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, con ông: Vương Đình H -Sinh năm: 1971 và bà Vương Thị H -Sinh năm: 1973; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án vào ngày 09/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K xử phạt 15 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 06/2015/HSST. Bị can đã chấp hành án tại Trại giam GT, đến ngày 20/3/2016 chấp hành xong và về địa phương sinh sống; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 06/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 01/2012/HSST. Bị can đã chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh K, đến ngày 26/6/2012 chấp hành xong và về địa phương sinh sống (Đã được xóa án tích theo quy định của Nghị quyết số 41 và Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017); Gia đình có 03 anh em, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2017 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đ, có mặt tại phiên tòa.

2. **PHAN MINH H** - Sinh năm 1983 tại tỉnh G; Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố P, tỉnh G; Chỗ ở: Tổ 12, Phường Y, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo, con ông Phan Văn A (Đã chết) và bà Phạm Thị T - Sinh năm: 1955; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 14/2014/HSST. Bị can đã chấp hành án tại Trại giam GT, đến ngày 31/8/2015 chấp hành xong và về địa phương sinh sống (Đã được xóa án tích theo quy định của Nghị quyết số 41 và Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017). Ngày 22/12/2015, bị Công an Phường Y, thành phố P, tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và đã nộp phạt ngày 01/01/2016 (Được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính); Gia đình bị cáo có 09 anh chị em, lớn nhất sinh

năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1997. Bị can là con thứ 3 trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2017 sau đó tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Đ, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh **R**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng D, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

- Cháu **Nguyễn Trịnh Khánh N**, sinh ngày 26/02/2005. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Trịnh Khánh N: Anh **Nguyễn Văn Giang N**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

- Cháu **Nguyễn Nhật N**, sinh ngày 30/8/2009. Vắng mặt

Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Nhật N: Anh **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.

Anh T vắng mặt có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Lê Phước L**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 30 LG, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 14, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Anh **Đương Hồng T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

- Chị **Vương Thị D**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Đăk Hà, tỉnh K. Vắng mặt.

- Anh **Trần Đức P**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 16, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Người phiên dịch:** Ông **J**

Địa chỉ: Làng K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 09/8/2017, Vương Đình D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 82B1-519.30 đi từ xã I, huyện I, tỉnh G đến thị trấn Đ, tỉnh G với mục đích lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đi qua trước nhà của gia đình anh Nguyễn Văn Giang N (Sinh năm 1984) tại Thôn 2, thị trấn Đ thấy nhà mở cửa và chỉ có con anh Nam là cháu Nguyễn Trịnh Khánh N (Sinh năm 2005) đang chơi trong nhà nên D điều khiển xe đi vào sân nhà anh Nam. D hỏi cháu N: “*Bố mẹ có ở nhà không?*”, cháu N trả lời: “*Bố mẹ cháu đi làm chưa về*”. D nhìn thấy ở bên hiên nhà có một số bao tải được xếp chồng lên nhau nên hỏi cháu N: “*Bao gì đây*” thì cháu N trả lời: “*Bao phân hoa*”. Lúc này, D nảy sinh ý định giả làm người quen của bố mẹ cháu N để đánh lừa cháu nhằm chiếm đoạt những bao phân hoa này. D lấy trong túi quần ra một Giấy phép lái xe mang tên Trần Đức P mà D đã nhặt được trước đó đưa cho cháu N và nói: “*Cầm cái này đưa cho bố là bố biết*”, rồi D vác một bao phân hoa đặt lên xe và điều khiển xe chạy về hướng huyện I. Khi đi đến dốc Làng N, xã I, huyện I, tỉnh G, D cất giấu bao phân hoa tại bụi cây gần đường đi giáp với lô cà phê. D điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh Dương Hồng T (Sinh năm 1988) tại

thôn T, xã I, huyện I để chơi. Tại đây, D hỏi anh T: “*Anh có ăn phần hoa không*”, anh T hỏi: “*Em lấy ở đâu*” thì D nói: “*Người ta cho em*”, anh Thái nói: “*Có thì cho anh một ít*” nên D cầm túi nilong và điều khiển xe mô tô quay lại lấy một ít phần hoa mang về đưa cho anh T. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì trời đổ mưa, D nghĩ bao phần hoa đã bị ướt nên không quay lại lấy. Trong khi đó, sau khi phát hiện bị mất một bao phần hoa, anh Nguyễn Văn Giang N đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2017, Vương Đình D điều khiển xe mô tô biển số 82B1-519.30 đến tiệm cắt tóc của Phan Minh H tại Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh G để chơi. Khoảng 10 phút sau, H rủ D đi trộm cắp tài sản và D đồng ý. H điều khiển xe mô tô 82B1-519.30 chở D ngồi sau đi theo đường P H qua xã H để đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Khi đi đến địa phận làng D, xã H, huyện Đ, phát hiện thấy nhà ông R (sinh năm 1967) mở cổng nên H dừng xe đứng ở ngoài đường còn D đi vào nhà bằng cửa hông. D cất tiếng gọi nhưng không thấy có người trả lời nên đi vào trong nhà. D phát hiện thấy có một chiếc túi da dài màu đen, bên trong có đựng đồ vật giống chiếc đàn nên đã cầm chiếc túi đi ra nơi H đang đứng chờ. H điều khiển xe chở D chạy quay lại theo hướng về thành phố P. Trên đường đi, D kéo khóa chiếc túi thấy có một chiếc đàn Organ nên hỏi H: “*Có chỗ nào để bán đàn không*”. H nói: “*Để hỏi ông anh chơi nhạc*” rồi điều khiển xe đi đến nhà chị gái của H là chị Phan Thị Xuân H (sinh năm 1981) tại số 26 đường L G, phường Y, thành phố P, tỉnh G. Do biết anh Lê Phước L (sinh năm 1970, trú tại số 30 đường L G, phường Y, thành phố P, tỉnh G) là người chơi nhạc nên H đi bộ sang nhà để hỏi anh L có mua đàn hay không rồi dẫn anh L sang nhà chị gái của H để xem đàn. Anh L hỏi D: “*Đàn này ở đâu?*” thì D trả lời: “*Đàn của anh trai cho đi bán để lấy tiền sửa xe*” nên anh L đồng ý mua với số tiền 3.200.000 đồng. Để đảm bảo việc mua bán nên anh L đã nói với D viết một tờ Giấy mượn tiền và thế chấp lại cây đàn, nếu không chuộc lại thì anh L có quyền sở hữu cây đàn. D đồng ý nên anh L trực tiếp viết Giấy mượn tiền rồi đưa cho D ký tên. Lúc này, vì sợ anh L phát hiện ra lai lịch của mình nên D đã ký tên vào giấy mượn tiền với tên giả là Nguyễn Việt Đ. Anh L đưa cho D số tiền 3.200.000 đồng và cho H 200.000 đồng tiền công môi giới. Sau đó, D và H đi uống cà phê và ăn uống hết 200.000 đồng, D chia cho H 1.000.000 đồng. Còn lại 2.000.000 đồng, D cất giữ và tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện chiếc đàn của mình bị mất thì anh R đã làm đơn trình báo Công an huyện Đ và tiến hành đi tìm kiếm. Đến ngày 04/9/2017, biết được chiếc đàn của mình đang ở nhà anh Lê Phước L nên anh R đã báo cáo Công an huyện Đ đến làm việc và thu giữ chiếc đàn để xử lý.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 05/9/2017, D điều khiển xe mô tô biển số 82B1-519.30 đến tiệm cắt tóc của H để rủ H đi tìm người sở hữu để chiếm đoạt tài sản. H đồng ý và điều khiển xe mô tô trên chở D đi xuống khu vực huyện Đ. Khi đi đến nhà của gia đình anh Nguyễn Hồng T (Sinh năm 1976) tại Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, phát hiện thấy nhà mở cửa nên D nói H điều khiển xe quay lại với mục đích tìm cách chiếm đoạt tài sản. H dừng xe đứng ở ngoài cổng còn D đi vào nhà thấy con anh T là cháu Nguyễn Nhật N (sinh năm 2007) đang chơi trong nhà. D nảy sinh ý định giả làm người quen của bố mẹ cháu N nhằm tìm cách đánh lừa cháu để chiếm đoạt tài sản. D hỏi cháu N: “*Bố mẹ có nhà không*”, cháu N nói: “*Bố mẹ cháu đi làm chưa về*”, D hỏi: “*Bố mẹ có để điện thoại ở nhà không*”, cháu N trả lời: “*Không*”, D tiếp tục hỏi: “*Bố mẹ có để máy tính ở nhà không*”. Lúc này, cháu N tưởng D là người quen của bố mẹ nên dẫn đi vào phòng ngủ của gia đình lấy ra 01 túi xách màu đen đưa cho D. D cầm túi xách mang ra phòng khách kiểm tra thì thấy bên trong có một chiếc máy tính xách tay màu xám đen. Lúc này, D thấy trên bàn uống nước có một chiếc khay bằng gỗ nên cầm chiếc khay gỗ trên cùng chiếc máy tính xách tay đi ra nơi H đang đứng chờ. H điều khiển xe mô tô chở D

mang tài sản vừa chiếm đoạt được về tiệm hớt tóc của H. Tại đây, thấy khay gỗ đẹp nên H nói D để lại cho H sử dụng và D đồng ý. D mang chiếc máy tính xách tay ra khỏi động nhưng không hoạt động nên cùng H mang đến tiệm sửa chữa máy tính của Nguyễn Quốc D (Sinh năm 1985) tại Tổ 14, phường Y, thành phố P để sửa. Tuy nhiên, do máy tính đã bị hư hỏng nặng nên H và D đã thỏa thuận bán lại cho anh Nguyễn Quốc D với số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này D và H chia nhau mỗi người 500.000 đồng tiêu xài hết. Sau khi mua chiếc máy tính trên, anh Nguyễn Quốc D đã tháo phần cứng và Ram của máy tính để thay cho máy tính khác của khách hàng với giá 800.000 đồng, phần còn lại anh D đã bán phế liệu được 300.000 đồng. Sau khi phát hiện tài sản bị chiếm đoạt, anh Nguyễn Hồng T đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Đ.

Căn cứ vào lời khai của anh Lê Phước L và hình ảnh được trích xuất từ camera an ninh khu vực gia đình ông Rin, ngày 15/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã bắt khẩn cấp đối với Phan Minh H và Vương Đình D. Đồng thời thu giữ của Vương Đình D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 82B1-519.30. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ các tang, tài vật khác gồm: Thu giữ một khay bằng gỗ tại tiệm hớt tóc của Phan Minh H; anh Dương Hồng T giao nộp 300 gram phần hoa; anh Nguyễn Quốc D giao nộp 01 túi xách hiệu Samsonite và 100.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tiền chênh lệch do mua bán máy tính); anh Lê Phước L giao nộp 01 cây đàn Organ hiệu KorgPa 300 và một tờ giấy vay mượn tiền; anh Nguyễn Văn Giang N giao nộp 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Trần Đức P.

Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 bao phần hoa có trọng lượng 70kg có trị giá 11.200.000 đồng; 01 chiếc đàn Organ nhãn hiệu KorgPa 300 có trị giá 8.000.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell Latitude đã bị hư hỏng phần cứng có trị giá 2.000.000 đồng; 01 túi xách hiệu Samsonite có trị giá 50.000 đồng và một khay trà bằng gỗ đục hình cá chép, hình rồng, kích thước dài 54cm, rộng 38cm, cao 15cm có trị giá 4.000.000 đồng.

2. Các vấn đề khác: Qua điều tra xác định: Chiếc đàn Organ nhãn hiệu KorgPa 300 thuộc sở hữu của anh R; chiếc túi xách hiệu Samsonite và 01 khay trà bằng gỗ thuộc sở hữu của anh Nguyễn Hồng T và 300 gram phần hoa thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn Giang N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định. Riêng chiếc máy tính xách tay hiệu Dell Latitude, sau khi mua lại thì anh Nguyễn Quốc D đã tháo rời và lấy một số bộ phận để thay cho máy tính khác, phần còn lại anh D đã bán phế liệu nên không thu giữ được; 01 bao phần hoa mà Vương Đình D cất giấu tại làng N, xã I, huyện I, tỉnh G đã bị mất nên không thu giữ được.

Đối với 01 Giấy phép lái xe mang tên Trần Đức P mà Vương Đình D sử dụng làm phương tiện phạm tội, quá trình điều tra xác định: Giấy phép lái xe trên là của anh Trần Đức P (Sinh năm: 1971, trú tại Tổ 16, phường Y, thành phố P, tỉnh G) bị mất vào tháng 7 năm 2017. Việc Vương Đình D nhặt được và sử dụng Giấy phép lái xe này vào việc phạm tội, anh Phú không biết nên không có cơ sở để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại Giấy phép lái xe này cho anh Phú.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 82B1-519.30 mà Vương Đình D và Phan Minh H sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua điều tra xác định chiếc xe này do em gái của Vương Đình D là Vương Thị D (Sinh năm: 1995, trú tại Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh K) làm chủ sở hữu. Việc Vương Đình D có mượn chiếc xe trên nhưng sau đó sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị D không biết nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại chiếc xe này cho chị D.

3. Cáo trạng của viện kiểm sát: Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS, ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo PHAN MINH H và VƯƠNG ĐÌNH D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Phan Minh H và Vương Đình D theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vương Đình D phạm và Phan Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Vương Đình D 18 đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ khoản 1 điều 174; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; các điểm g, h, i khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Vương Đình D 28 đến 32 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Căn cứ điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phan Minh H 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ khoản 1 điều 174; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; điểm i khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Phan Minh H 12 đến 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Căn cứ điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định.

Về dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Vương Đình D phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 1.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn Giang N số tiền 8.155.000 đồng và bồi thường cho anh Lê Phước L số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.155.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng

Về án phí, các bị cáo H và D phải chịu án hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo D và H phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 09/8/2017, Vương Đình D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 82B1-519.30 đi từ xã I, huyện I, tỉnh G đến thị trấn Đ, tỉnh G với mục đích lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp hoặc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại nhà anh Nguyễn Văn Giang N (Sinh năm 1984) tại Thôn 2, thị trấn Đ, D đã có hành vi gian dối giả làm người quen của bố mẹ đối với con anh N là cháu Nguyễn Trịnh Khánh N (Sinh năm 2005) để chiếm đoạt 01 bao phấn hoa.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2017, Vương Đình D điều khiển xe mô tô biển số 82B1-519.30 đến tiệm cắt tóc của Phan Minh H tại Tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh G để chơi. Khoảng 10 phút sau, H rủ D đi trộm cắp tài sản và D đồng ý. H điều khiển xe mô tô 82B1-519.30 chở D ngồi sau đi theo đường Phạm H qua xã H để đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Khi đi đến địa phận làng D, xã H, huyện Đ, phát hiện thấy nhà ông R (sinh năm 1967) mở cổng nên H dừng xe đứng ở ngoài đường còn D đi vào nhà bằng cửa hông. Tại đây, các bị cáo đã trộm cắp một chiếc túi trong đó có một chiếc đàn Organ và sau đó đem bán cho anh Lê Phước L (sinh năm 1970, trú tại số 30 đường L G, phường Y, thành phố P, tỉnh G) với số tiền 3.200.000 đồng, khi mua đàn anh Long có cho H số tiền 200.000 đồng tiền công môi giới. Tổng số tiền 3.200.000đ bán đàn, D và H đi uống cà phê và ăn uống hết 200.000 đồng, D chia cho H 1.000.000 đồng. Còn lại 2.000.000 đồng, D cất giữ và tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ ngày 05/9/2017, D điều khiển xe mô tô biển số 82B1-519.30 đến tiệm cắt tóc của Phan Minh H, rủ H đi tìm người sở hữu để chiếm đoạt tài sản. H đồng ý và điều khiển xe mô tô trên chở D đi xuống khu vực huyện Đ. Tại nhà anh Nguyễn Hồng T (Sinh năm 1976) tại Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, cũng bằng hành vi gian dối giả làm người quen của bố mẹ đối với con anh T là cháu Nguyễn Nhật N (sinh năm 2007), D và H đã chiếm đoạt tài sản là 01 túi xách màu đen bên trong có một chiếc máy tính xách tay màu xám đen và một chiếc khay bằng gỗ. H nói D để lại cho H sử dụng chiếc khay bằng gỗ còn chiếc máy tính xách tay đã bị hư hỏng nặng nên H và D đã thỏa thuận bán lại cho anh Nguyễn Quốc D với số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này D và H chia nhau mỗi người 500.000 đồng tiêu xài hết. Sau khi mua chiếc máy tính trên, anh Nguyễn Quốc D đã tháo phần cứng và Ram của máy tính để thay cho máy tính khác của khách hàng với giá 800.000 đồng, phần còn lại anh D đã bán phế liệu được 300.000 đồng.

Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 bao phấn hoa có trọng lượng 70kg có trị giá 11.200.000 đồng; 01 chiếc đàn Organ nhãn hiệu KorgPa 300 có trị giá 8.000.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell Latitude đã bị hư hỏng phần cứng có trị giá 2.000.000 đồng; 01 túi xách hiệu Samsonite có trị giá 50.000 đồng và một khay trà bằng gỗ đục hình cá chép, hình rồng, kích thước dài 54cm, rộng 38cm, cao 15cm có trị giá 4.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phan Minh H và Vương Đình D đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng khi thực hiện hành vi các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đối với các bị cáo thì cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này, cụ thể:

Đối với bị cáo D, ngoài 1 lần trực tiếp một mình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại nhà anh Nguyễn Văn Giang N thì bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H cùng bị cáo thực hiện một lần phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác tại nhà anh Nguyễn Hồng T. Ngoài ra, bị cáo còn là người giúp sức tích cực thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” tại nhà anh Rin do bị cáo H khởi xướng, rủ rê. Vì vậy, bị cáo là người chủ mưu, chịu trách nhiệm chính trong việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, và chịu trách nhiệm hình sự với vai trò giúp sức tích cực khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với bị cáo H, ngoài một lần thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò là người giúp sức tích cực thì bị cáo chính là người khởi xướng, rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” tại nhà anh R nên đối với tội danh này, bị cáo H là người có vai trò chính, chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo D.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo D: Ngày 06/01/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K xử phạt 06 tháng tù giam về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 01/2012/HSST. Bị cáo đã chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh K, đến ngày 26/6/2012 chấp hành xong và về địa phương sinh sống (Đã được xóa án tích); Bị cáo H thì ngày 15/01/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 14/2014/HSST. Bị cáo đã chấp hành án tại Trại giam GT, đến ngày 31/8/2015 chấp hành xong và về địa phương sinh sống (Đã được xóa án tích); Ngày 22/12/2015, bị Công an Phường Y, thành phố P, tỉnh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và đã nộp phạt ngày 01/01/2016 (*Được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính*);

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D có 01 tiền án vào ngày 09/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K xử phạt 15 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 06/2015/HSST. Bị cáo đã chấp hành án tại Trại giam GT, đến ngày 20/3/2016 chấp hành xong và về địa phương sinh sống (chưa được xóa án tích). Vì vậy, đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ngoài tình tiết tăng nặng “tái phạm” thì bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại các điểm g, h, i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả, trong đó bị cáo H đã bồi thường toàn bộ tương ứng với phần bồi thường của bị cáo; các bị cáo trong quá trình điều tra đã “tự thú” khai ra hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt. Riêng bị cáo D còn được người bị hại Nam xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo còn được áp dụng tình tiết này theo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Anh R đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Bị cáo Phan Minh H đã tác động gia đình bồi thường số tiền 1.000.000đ cho anh Nguyễn Hồng T là chủ sở hữu của Máy tính xách tay hiệu Dell Latitude, bồi thường số tiền 1.400.000 đồng cho anh Lê Phước L. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đây là sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, tuy có nhiều hơn phần mà bị cáo phải bồi thường nhưng bị cáo tự nguyện bồi thường và không có yêu cầu gì.

Bị cáo Vương Đình D phải bồi thường theo phần của mình tổng cộng với số tiền 13.155.000 đồng, bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Giang N. Số tiền còn lại chưa bồi thường là 11.155.000 đồng cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho những người bị hại

Về vật chứng: Số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) mà anh Nguyễn Quốc D nộp cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Minh H và Vương Đình D phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Vương Đình D 18 (*mười tám*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 điều 174; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 điều 51; các điểm g, h, i khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Vương Đình D 28 (*hai mươi tám*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 46 (*bốn mươi sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 15/9/2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phan Minh H 09 (*chín*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 điều 174; các điểm b, r, s khoản 1 điều 51; điểm i khoản 1 điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Phan Minh H 15 (*mười lăm*) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt chung đối với cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 15/9/2017.

4. Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Vương Đình D phải tiếp tục bồi thường cho anh Nguyễn Hồng T số tiền 1.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn Giang N số tiền 8.155.000 đồng và bồi thường cho anh Lê Phước L số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.155.000 đồng (mười một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015,

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 30/01/2018 giữa công an huyện Đ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ

6. Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Vương Đình D và Phan Minh H, mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Vương Đình D phải nộp 557.750 đồng (năm trăm năm bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H